

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23 THÁNG 10 NĂM 2025

| STT       |  | Khách hàng                          | Ngày làm TB | Số TB   | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện   | Loại than | SL làm TB            | SL thực rút          | SL còn lại           | Ngày xong | Mục đích sử dụng |                                          |
|-----------|--|-------------------------------------|-------------|---------|-----------------|-------------------|-----------|----------------------|----------------------|----------------------|-----------|------------------|------------------------------------------|
|           |  | <b>TỔNG CỘNG</b>                    |             |         |                 |                   |           | <b>229 335</b>       | <b>43 259</b>        | <b>172 894</b>       |           |                  |                                          |
| <b>I</b>  |  | <b><u>CẢNG CHÍNH</u></b>            |             |         |                 |                   |           | <b><u>70 646</u></b> | <b><u>10 394</u></b> | <b><u>60 252</u></b> |           |                  |                                          |
|           |  | <i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>  |             |         |                 |                   |           | <b>12 995</b>        | <b>10 394</b>        | <b>2 601</b>         |           |                  |                                          |
| 1         |  | ĐẠM NINH BÌNH                       | 23/10       | 1338/10 | 31/10           | NB 8955           | CẨM 4A.1  | 3 045                | 1 498                | 1 547                | RỐT DỖ    | HỘ LỚN           |                                          |
| 2         |  | KDT HÀ NAM NINH                     | 23/10       | 21/10   | 30/10           | HD 3529           | CẨM 5A.1  | 2 300                | 2 282                | 18                   | 23/10     | PTCB             |                                          |
| 3         |  | CATALAN                             | 22/10       | 19/10   | 29/10           | BN 1589           | CỤC 5A.1  | 1 600                | 1 587                | 13                   | 23/10     | TD               |                                          |
| 4         |  | KDT MIỀN BẮC (KIM THÀNH)            | 23/10       | 20/10   | 30/10           | HP 6286           | CẨM 1     | 5 000                | 4 444                | 556                  | 23/10     | TD               |                                          |
| 5         |  | ĐTTM&DV                             | 19/10       | 1300/10 | 26/10           | BN 1826           | CỤC XỎ 1C | 1 050                | 583                  | 467                  | RỐT DỖ    | TD               | GIA HẠN L1                               |
|           |  | <i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>  |             |         |                 |                   |           | <b>57 651</b>        |                      | <b>57 651</b>        |           |                  |                                          |
| 1         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 1                     | 18/10       | 1334/10 | 31/10           | HẢI NAM 88        | CẨM 6A.1  | 23 000               |                      | 23 000               |           | HỘ LỚN           |                                          |
| 2         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 2                     | 17/10       | 1330/10 | 31/10           | VIỆT THUẬN 235-07 | CẨM 6A.14 | 23 050               |                      | 23 050               |           | HỘ LỚN           |                                          |
| 3         |  | THAN MIỀN NAM                       | 23/10       | 22/10   | 30/10           | VIỆT THUẬN 075-01 | CẨM 5A.1  | 3 600                |                      | 3 600                |           | BAUXIT           |                                          |
| 4         |  | THAN MIỀN NAM                       | 23/10       | 22/10   | 30/10           | VIỆT THUẬN 075-01 | CỤC 4A.2  | 3 100                |                      | 3 100                |           | BAUXIT           |                                          |
| 5         |  | SÔNG HỒNG                           | 18/10       | 16/10   | 25/10           | BN 1816           | CỤC XỎ 1C | 1 000                |                      | 1 000                |           | TD               |                                          |
| 6         |  | TNV HẢI DƯƠNG                       | 20/10       | 04/10   | 27/10           | BN 2212           | CỤC XỎ 1C | 1 921                |                      | 1 921                |           | TD               | GIA HẠN L1                               |
| 7         |  | DVVT QN                             | 23/10       | 1294/10 | 30/10           | BN 2629           | CỤC XỎ 1C | 1 980                |                      | 1 980                |           | TD               | GIA HẠN L1                               |
|           |  | <i>Tàu chuyển tải</i>               |             |         |                 |                   |           | <b>50 950</b>        | <b>-</b>             | <b>50 950</b>        |           |                  |                                          |
|           |  | <i>Tàu đang làm hàng</i>            |             |         |                 |                   |           |                      |                      |                      |           |                  |                                          |
|           |  | <i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i> |             |         |                 |                   |           | <b>50 950</b>        |                      | <b>50 950</b>        |           |                  |                                          |
| 1         |  | ĐIỆN DUYÊN HẢI                      | 17/10       | 1331/10 |                 | VIỆT THUẬN 26-01  | CẨM 5B.14 | 23 600               |                      | 23 600               |           | HỘ LỚN           | TTHG: 9.600 - KDTCP: 14.000              |
| 2         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 2                     | 23/10       | 1339/10 |                 | HẢI NAM 79        | CẨM 6A.14 | 27 350               |                      | 27 350               |           | HỘ LỚN           | KDTCP: 9.000 - CLM: 14.000 - KVCP: 4.350 |
| <b>II</b> |  | <b><u>KHO G9-HÓA CHẤT</u></b>       |             |         |                 |                   |           | <b><u>28 975</u></b> | <b><u>3 334</u></b>  | <b><u>25 641</u></b> |           |                  |                                          |
|           |  | <i>Tàu đã làm hàng</i>              |             |         |                 |                   |           | <b>6 390</b>         | <b>3 334</b>         | <b>3 056</b>         |           |                  |                                          |
| 1         |  | COALIMEX                            | 19/10       | 685     | 27/10           | GIA THÀNH 68      | CẨM 8A    | 3 000                | 1 403                | 1 597                | dỡ        | PT CB            | ĐN - CS                                  |
| 2         |  | CP ĐTTM&DV                          | 19/10       | 652     | 26/10           | PHÚC THỊNH 18     | CỤC 1B    | 1 000                | 486                  | 514                  | dỡ        | TD               | THỐNG NHẤT                               |
| 3         |  | CP ĐTTM&DV                          | 19/10       | 652     | 26/10           | PHÚC THỊNH 18     | CẨM 8A    | 940                  |                      | 940                  | dỡ        | TD               | ĐN - CS                                  |
| 4         |  | CP SXTM THAN UÔNG BÍ                | 22/10       | 779     | 29/10           | BN - 0692         | CẨM 7C    | 1 450                | 1 445                | 5                    | 23/10     | TD               | CAO SƠN                                  |
|           |  | <i>Tàu đã làm lệnh</i>              |             |         |                 |                   |           | <b>22 585</b>        |                      | <b>22 585</b>        |           |                  |                                          |
| 1         |  | CP VT&KD THAN                       | 23/10       | 511     | 30/10           | BN - 0695         | CỤC 1A    | 1 000                |                      | 1 000                |           | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1                     |
| 2         |  | MIỀN TRUNG                          | 18/10       | 572B    | 24/10           | TRẦN GIA 09       | CẨM 7B    | 1 000                |                      | 1 000                |           | TD               | ĐN - CS                                  |
| 3         |  | MIỀN TRUNG                          | 18/10       | 572B    | 24/10           | TRẦN GIA 09       | CỤC 1B    | 930                  |                      | 930                  |           | TD               | ĐN - CS                                  |
| 4         |  | CẦU ĐUÔNG                           | 17/10       | 579     | 24/10           | BN - 0567         | CỤC 1A    | 1 000                |                      | 1 000                |           | TD               | ĐN - CS                                  |

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23 THÁNG 10 NĂM 2025

| STT |  | Khách hàng             | Ngày làm TB | Số TB                   | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện | Loại than | SL làm TB     | SL thực rót   | SL còn lại    | Ngày xong | Mục đích sử dụng |               |
|-----|--|------------------------|-------------|-------------------------|-----------------|-----------------|-----------|---------------|---------------|---------------|-----------|------------------|---------------|
| 5   |  | CP DV VT QUẢNG NINH    | 18/10       | 594B                    | 24/10           | BN - 0979       | CỤC 1B    | 1 100         |               | 1 100         |           | TD               | ĐN - CS       |
| 6   |  | XD CN MỎ               | 18/10       | 628                     | 25/10           | BN 1296         | CỤC 1B    | 1 150         |               | 1 150         |           | TD               | ĐN - CS       |
| 7   |  | CP ĐTTM&DV             | 18/10       | 631                     | 25/10           | BN 1468         | CỤC 1B    | 1 150         |               | 1 150         |           | TD               | ĐN - CS       |
| 8   |  | CP ĐTTM&DV             | 19/10       | 688                     | 27/10           | BN - 2519       | CỤC 1A    | 1 100         |               | 1 100         |           | TD               | ĐN - CS       |
| 9   |  | CP DVVT QUẢNG NINH     | 21/10       | 725                     | 28/10           | HD - 2095       | CÁM 8A    | 1 950         |               | 1 950         |           | TD               | CAO SƠN       |
| 10  |  | NINH BÌNH              | 21/10       | 732                     | 28/10           | BN 2638         | CÁM 8A    | 1 695         |               | 1 695         |           | TD               | CAO SƠN       |
| 11  |  | NINH BÌNH              | 22/10       | 757                     | 29/10           | BN - 2122       | CÁM 8A    | 2 100         |               | 2 100         |           | TD               | CAO SƠN       |
| 12  |  | CP ĐTTM&DV             | 22/10       | 755                     | 29/10           | TD 38 CG        | CÁM 8A    | 4 192         |               | 4 192         |           | TD               | ĐN - CS       |
| 13  |  | NINH BÌNH              | 22/10       | 759                     | 29/10           | BN - 1666       | CỤC 1B    | 1 000         |               | 1 000         |           | TD               | CAO SƠN       |
| 14  |  | SÔNG HỒNG              | 23/10       | 805                     | 30/10           | BN - 1758       | CÁM 8A    | 1 102         |               | 1 102         |           | TD               | ĐN - CS       |
| 15  |  | CP HÀNG HẢI VN         | 23/10       | 819                     | 30/10           | BN - 2397       | CỤC 1B    | 1 016         |               | 1 016         |           | TD               | ĐN - CS       |
| 16  |  | CP SXTM THAN UÔNG BÍ   | 23/10       | 821                     | 30/10           | BN - 1997       | CÁM 8A    | 1 100         |               | 1 100         |           | TD               | ĐN - CS       |
| III |  | <b>KHO BẢO NGUYỄN</b>  |             |                         |                 |                 |           | -             | -             | -             |           |                  |               |
|     |  | <i>Tàu đã làm hàng</i> |             |                         |                 |                 |           |               |               |               |           |                  |               |
|     |  | <i>Tàu đã làm lệnh</i> |             |                         |                 |                 |           |               |               |               |           |                  |               |
| IV  |  | <b>KHO CẢNG KM6</b>    |             |                         |                 |                 |           | <b>13 182</b> | <b>5 116</b>  | <b>8 066</b>  |           |                  |               |
|     |  | <i>Tàu đã làm hàng</i> |             |                         |                 |                 |           | <b>5 142</b>  | <b>5 116</b>  | <b>26</b>     |           |                  |               |
| 1   |  | KDT MIỀN BẮC           | 23/10       | 793                     | 30/10           | HD 5935         | CÁM 6A.1  | 2 892         | 2 876         | 16            | 23/10     | PTCB             |               |
| 2   |  | KDT HÀ BẮC             | 23/10       | 795                     | 30/10           | BN 1828         | CÁM 5B.1  | 2 250         | 2 240         | 10            | 23/10     | PTCB             |               |
|     |  | <i>Tàu đã làm lệnh</i> |             |                         |                 |                 |           | <b>8 040</b>  |               | <b>8 040</b>  |           |                  |               |
| 1   |  | THAN MIỀN NAM          | 23/10       | 820                     | 30/10           | HOÀNG ANH 668   | CỤC 4A.2  | 1 840         |               | 1 840         |           | BAUXIT           |               |
| 2   |  | THAN MIỀN NAM          | 23/10       | 820                     | 30/10           | HOÀNG ANH 668   | CÁM 5A.1  | 2 300         |               | 2 300         |           | BAUXIT           |               |
| 3   |  | COALIMEX               | 23/10       | 800                     | 30/10           | BN 2087         | CÁM 6A.1  | 1 300         |               | 1 300         |           | PTCB             |               |
| 4   |  | THAN MIỀN NAM          | 23/10       | 794                     | 30/10           | HOÀNG ANH 36    | CỤC 1B    | 2 600         |               | 2 600         |           | TD               |               |
| V   |  | <b>TÀU XUẤT KHẨU</b>   |             |                         |                 |                 |           | <b>52 400</b> | <b>24 415</b> | <b>27 985</b> |           |                  |               |
|     |  | <i>Tàu đã làm hàng</i> |             |                         |                 |                 |           | <b>49 400</b> | <b>24 415</b> | <b>24 985</b> |           |                  |               |
| 1   |  | INDONESIA              | 14/10       | 40-B/10/XK              |                 | MV CHANG NING 8 | CỤC 5B.2  | 22 400        | 4 415         | 17 985        | RÓT DỖ    |                  |               |
| 2   |  | INDONESIA              | 10/10       | 42/10/XK                |                 | PU SHENG 6      | CỤC 5B.2  | 27 000        | 20 000        | 7 000         | RÓT DỖ    |                  | THAY 41/10/XK |
|     |  | <i>Tàu đã làm lệnh</i> |             |                         |                 |                 |           | <b>3 000</b>  |               | <b>3 000</b>  |           |                  |               |
| 1   |  | HÀN QUỐC               | 15/10       | 43/10/XK                |                 | JIN YANG GUAN   | CỤC 4A.3  | 3 000         |               | 3 000         |           |                  |               |
| VI  |  | <b>TÀU NHẬP KHẨU</b>   |             | <b>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</b> |                 |                 |           | -             | -             | -             |           |                  |               |

**CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN**

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ**

**PHÒNG ĐKSX**

NGÀY 23 THÁNG 10 NĂM 2025

[illegible]